

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE****Mẫu số 01-A**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Số: **71** /2026/ODE/CBTTHà Nội, ngày **31** tháng **03** năm 2026**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**

- Mã chứng khoán: **ODE**, sàn giao dịch **Upcom**
- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 7306 0666 Fax:
- Email: Website:

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- BCTC năm 2025
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2025):

- Có  Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

- Có  Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có  Không



**Mẫu số 01-A**

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

 Có Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

 Có Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày / /2026 tại đường dẫn: <https://ode.vn/bao-cau-tai-chinh/>

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC đã được kiểm toán năm 2025.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**ÔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Thị Ngọc Minh*





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ  
GIẢI TRÍ ODE**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

107  
CỔ  
CỔ  
TẬP  
UYỆ  
VÀ  
C  
VH

010  
C  
KIẾ  
DE  
VI  
HÀNH

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đinh Chí Hiếu	Chủ tịch
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Trà Mi	Thành viên
Ông Cao Phi Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Hà Anh	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Tổng Giám đốc
Ông Cao Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13 tháng 02 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Việt	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hoàng Tùng	Thành viên ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Thành viên ban kiểm soát

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Hoàng Thị Mỹ Bình**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Số: 0971/VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 27 tháng 3 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Phan Ngọc Anh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1101-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 30 tháng 3 năm 2026  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đào Đức Anh Dũng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 4202-2023-001-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,  
số 16 Phạm Hùng, Phường Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>152.445.672.800</b>	<b>138.492.173.327</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>26.831.264.271</b>	<b>5.106.918.240</b>
1. Tiền	111		26.831.264.271	5.106.918.240
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>123.538.913.080</b>	<b>129.400.915.058</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	74.882.678.168	48.274.027.894
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.784.830.302	1.466.767.655
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	42.000.000.000	66.790.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	44.793.230	12.870.119.509
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(173.388.620)	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>1.926.959.325</b>	<b>3.952.884.362</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.620.095.668	3.952.884.362
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(693.136.343)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>148.536.124</b>	<b>31.455.667</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	148.536.124	31.455.667
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.902.943.791</b>	<b>12.699.351.952</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	11.000.000	11.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.225.401.911</b>	<b>11.674.191.934</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.156.282.429	905.072.448
- Nguyên giá	222		5.472.626.856	4.596.056.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.316.344.427)	(3.690.984.542)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.069.119.482	10.769.119.486
- Nguyên giá	228		16.000.000.000	16.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.930.880.518)	(5.230.880.514)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>666.541.880</b>	<b>1.014.160.018</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	666.541.880	1.014.160.018
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>163.348.616.591</b>	<b>151.191.525.279</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,  
số 16 Phạm Hùng, Phường Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29.474.321.140</b>	<b>21.392.428.162</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.474.321.140</b>	<b>21.392.428.162</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	12.471.264.454	16.182.040.584
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	10.800.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.058.154.922	2.321.757.369
4. Phải trả người lao động	314		6.081.873.640	2.656.153.709
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		73.358.435	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	5.072.239.919	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		717.429.770	221.676.500
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>133.874.295.451</b>	<b>129.799.097.117</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>133.874.295.451</b>	<b>129.799.097.117</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.874.295.451	29.799.097.117
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		29.799.097.117	29.079.495.971
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.075.198.334	719.601.146
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>163.348.616.591</b>	<b>151.191.525.279</b>



Nguyễn Hoàng Phương  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,  
số 16 Phạm Hùng, Phường Từ Liêm,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 02-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	86.920.675.386	54.300.931.485
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		86.920.675.386	54.300.931.485
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	70.375.905.523	43.455.486.391
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.544.769.863	10.845.445.094
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	7.860.449.945	7.720.969.747
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	18.363.220.111	15.240.211.635
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-26)	30		6.041.999.697	3.326.203.206
8. Thu nhập khác	31		148.380.497	414.820.474
9. Chi phí khác	32	25	869.353.142	1.973.217.798
10. Lỗ khác (40=31-32)	40		(720.972.645)	(1.558.397.324)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.321.027.052	1.767.805.882
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	1.245.828.718	1.048.204.736
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		4.075.198.334	719.601.146
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	408	72



Nguyễn Hoàng Phương  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,  
số 16 Phạm Hùng, Phường Từ Liêm,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 03-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.321.027.052	1.767.805.882
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.325.359.889	2.654.244.611
Các khoản dự phòng	03	866.524.963	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.852.223.560)	(7.720.969.747)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	660.688.344	(3.298.919.254)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(31.935.978.421)	23.924.578.022
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.332.788.694	4.396.197.110
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.884.268.996	(14.657.325.109)
Thay đổi chi phí trả trước	12	230.537.681	3.061.307.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.048.204.736)	(1.816.831.061)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(22.875.899.442)	11.609.007.047
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(876.569.866)	(44.363.636)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(73,080,000,000)	(33.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	97,870,000,000	12.140.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.686.815.339	20.753.860
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	44.600.245.473	(20.883.609.776)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	21.724.346.031	(9.274.602.729)
Tiền đầu năm	60	5.106.918.240	14.381.520.969
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	26.831.264.271	5.106.918.240

Nguyễn Hoàng Phương  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,  
số 16 Phạm Hùng, Phường Từ Liêm,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107602021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 18 tháng 10 năm 2016 và sửa đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 02 tháng 8 năm 2021. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND, được chia thành 10.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8089/UBCK-GSĐC ngày 03 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 84 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 47 người).

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động tư vấn quản lý, đầu tư;
- Cổng thông tin;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, sáng tác, nghệ thuật và giải trí, nhiếp ảnh, trang trí nội thất, thiết kế website, thiết kế đồ họa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- In ấn, dịch vụ liên quan đến in;
- Xuất bản catalog, ảnh, bản khắc và bưu thiếp, thiệp chúc mừng, mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật, tài liệu quảng cáo và các tài liệu in ấn khác;
- Xuất bản trực tuyến con số thống kê hoặc các thông tin khác;
- Thuyết minh thời gian trình chiếu chương trình truyền hình về cuộc họp;
- Dịch vụ sắp xếp thư;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Hoạt động của các điểm truy cập internet, hoạt động viễn thông có dây, không dây, dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi; phát hành phim điện ảnh, phim video, chiếu phim, hậu kỳ, ghi âm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, xuất bản phần mềm;
- Bán buôn, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

Hoạt động chính của Công ty là truyền thông và quảng cáo.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, giá gốc hàng tồn kho là chi phí của các dự án dở dang với giá trị được xác định bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung và khối lượng các hạng mục công việc được hoàn thành bởi các nhà cung cấp và được nghiệm thu bởi các bên. Đối với hàng hóa, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh cho từng dự án và cho từng lô hàng hóa. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm/dự án cùng chi phí tiếp thị, bán hàng, phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là các phần mềm máy tính được khấu hao từ 5 năm đến 10 năm.

### **Thuê tài sản**

Tất cả các khoản thuê của Công ty là thuê hoạt động. Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho dịch vụ truyền thông, quảng cáo chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày nghiệm thu dịch vụ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	16.940.269	283.807.746
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.814.324.002	4.823.110.494
	<b>26.831.264.271</b>	<b>5.106.918.240</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ & Tài chính Noblex	32.289.135.150	1.856.398.864
Công ty Cổ phần Bất động sản Wonderland	7.202.097.528	4.958.348.612
Công ty Cổ phần Đầu tư DIA	5.404.107.523	-
Công ty TNHH Du lịch Vietcolor	5.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	73.746.463	9.660.155.822
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Biên Khác	-	14.350.800.000
	24.513.591.504	17.448.324.596
	<b>74.882.678.168</b>	<b>48.274.027.894</b>
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	56.582.669.021	19.505.987.252

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Nghệ thuật Đầu tiên	1.104.698.673	-
Công ty TNHH Rich Media	767.760.000	-
Công ty Cổ phần in sách Việt Nam	-	629.975.016
Khác	4.912.371.629	836.792.639
	<b>6.784.830.302</b>	<b>1.466.767.655</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Dương Vân (i)	21.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ Lê Võ (ii)	21.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Bắc Việt	-	29.610.000.000
Công ty TNHH Ngôi nhà Việt Viethome	-	18.330.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Đức Tú	-	18.850.000.000
	<b>42.000.000.000</b>	<b>66.790.000.000</b>

(i) Phản ánh khoản cho Công ty TNHH MTV Dương Vân vay tín chấp theo hợp đồng cho vay số 01/2026/HĐVV/ODE-DV ngày 31 tháng 12 năm 2025 với hạn mức 21.000.000.000 VND, lãi suất cho vay 8%/năm, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 31 tháng 12 năm 2025). Khoản lãi vay được trả cùng gốc vay khi kết thúc thời hạn vay.

(ii) Phản ánh khoản cho Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ Lê Võ vay tín chấp theo hợp đồng cho vay số 02/2026/HĐVV/ODE-LV ngày 31 tháng 12 năm 2025 với hạn mức 21.000.000.000 VND, lãi suất cho vay 8%/năm, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 31 tháng 12 năm 2025). Khoản lãi vay được trả cùng gốc vay khi kết thúc thời hạn vay.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Lãi cho vay	-	12.834.591.779
Phải thu khác	44.793.230	35.527.730
	<b>44.793.230</b>	<b>12.870.119.509</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ ký cược	11.000.000	11.000.000
	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.022.237.368	(693.136.343)	3.952.884.362	-
Hàng hoá	1.597.858.300	-	-	-
	<b>2.620.095.668</b>	<b>(693.136.343)</b>	<b>3.952.884.362</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết chi phí các dự án dở dang như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Sunshine Metaland Đà Nẵng	693.136.343	687.136.343
Dự án Alluvia City Hưng Yên	329.101.025	-
Dự án quảng bá thương hiệu Sunshine	-	2.121.127.830
Dự án Sunshine Marina Nha Trang	-	695.953.182
Các dự án khác	-	448.667.007
	<b>1.022.237.368</b>	<b>3.952.884.362</b>

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	31.136.250	3.634.938.104	708.990.000	220.992.636	4.596.056.990
Tăng trong năm	-	517.842.592	-	358.727.274	876.569.866
Số dư cuối năm	31.136.250	4.152.780.696	708.990.000	579.719.910	5.472.626.856
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	28.541.568	3.090.653.328	413.577.486	158.212.160	3.690.984.542
Khấu hao trong năm	2.594.682	374.543.155	118.164.996	130.057.052	625.359.885
Số dư cuối năm	31.136.250	3.465.196.483	531.742.482	288.269.212	4.316.344.427
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	2.594.682	544.284.776	295.412.514	62.780.476	905.072.448
Tại ngày cuối năm	-	687.584.213	177.247.518	291.450.698	1.156.282.429

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.905.918.350 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.242.448.106 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	16.000.000.000
Số dư cuối năm	<u>16.000.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	5.230.880.514
Khấu hao trong năm	1.700.000.004
Số dư cuối năm	<u>6.930.880.518</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<u>10.769.119.486</u>
Tại ngày cuối năm	<u>9.069.119.482</u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	148.536.124	-
Các khoản khác	-	31.455.667
	<u>148.536.124</u>	<u>31.455.667</u>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	604.461.768	354.323.482
Các khoản khác	62.080.112	659.836.536
	<u>666.541.880</u>	<u>1.014.160.018</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Filmcity Việt Nam	1.419.120.000	-
Công ty Cổ phần Kênh 28 Entertainment	1.235.736.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản S - Việt Nam	1.052.354.293	1.052.354.293
Khác	8.764.054.161	15.129.686.291
	<u>12.471.264.454</u>	<u>16.182.040.584</u>
<b>Trong đó:</b>		
Phải trả người bán là các bên liên quan chủ yếu (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	504.577.799	1.183.311.626

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu dịch vụ chưa thực hiện	5.072.239.919	-
	<u>5.072.239.919</u>	<u>-</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	729.862.143	3.275.975.291	729.862.143	3.275.975.291
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.044.458.990	1.245.828.718	1.048.204.736	1.242.082.972
Thuế thu nhập cá nhân	547.436.236	2.829.976.818	2.837.316.395	540.096.659
Khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>2.321.757.369</b>	<b>7.354.780.827</b>	<b>4.618.383.274</b>	<b>5.058.154.922</b>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	29.079.495.971	129.079.495.971
Lợi nhuận trong năm	-	719.601.146	719.601.146
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	29.799.097.117	129.799.097.117
Lợi nhuận trong năm	-	4.075.198.334	4.075.198.334
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	33.874.295.451	133.874.295.451

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 8 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	5.000.000.000	5%	5.000.000.000	5%
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	5.000.000.000	5%	5.000.000.000	5%
Cổ đông khác	90.000.000.000	90%	90.000.000.000	90%
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Doanh thu, giá vốn theo hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 10 và số 21.

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

**19. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Cam kết thuê hoạt động:**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Trong vòng một năm	2.640.000.000	2.640.000.000
Từ hai năm đến năm năm	2.420.000.000	5.060.000.000
	<b>5.060.000.000</b>	<b>7.700.000.000</b>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 500 m<sup>2</sup> tại tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội với giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 220.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	85.679.160.496	49.386.000.985
Doanh thu bán hàng hóa	1.241.514.890	4.914.930.500
	<b>86.920.675.386</b>	<b>54.300.931.485</b>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan chủ yếu (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	60.306.307.342	11.723.800.388

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	68.516.148.780	38.739.232.391
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.166.620.400	4.716.254.000
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	693.136.343	-
	<b>70.375.905.523</b>	<b>43.455.486.391</b>

**22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	32.315.242.062	18.897.689.225
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	962.186.603	4.739.495.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.325.359.889	2.654.244.611
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.250.425.841	32.308.669.498
Chi phí khác bằng tiền	788.643.845	186.907.677
	<b>84.641.858.240</b>	<b>58.787.006.011</b>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi cho vay	7.852.223.560	7.700.215.887
Lãi tiền gửi	8.226.385	20.753.860
	<b>7.860.449.945</b>	<b>7.720.969.747</b>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.378.736.594	6.018.023.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.834.963.380	1.885.686.536
Chi phí vật liệu, công cụ	227.707.828	1.093.907.962
Thuế, phí và lệ phí	30.455.937	20.084.446
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.614.067.752	6.197.408.947
Chi phí khác bằng tiền	277.288.620	25.100.280
	<b>18.363.220.111</b>	<b>15.240.211.635</b>

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	56.555.042	683.337.209
Các khoản khác	812.798.100	1.289.880.589
	<b>869.353.142</b>	<b>1.973.217.798</b>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	1.245.828.718	1.048.204.736
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.245.828.718</b>	<b>1.048.204.736</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	5.321.027.052	1.767.805.882
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	908.116.538	3.473.217.798
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	6.229.143.590	5.241.023.680
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>1.245.828.718</b>	<b>1.048.204.736</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và quyết toán với cơ quan thuế.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.075.198.334	719.601.146
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.075.198.334	719.601.146
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>408</b>	<b>72</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể thay đổi khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc trích lập quỹ này.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Unicloud	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý Vận hành Khách sạn & Khu nghỉ dưỡng Matterhorn	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bất động sản Wonderland	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân La	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartmind	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đình	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Chung thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 25 tháng 3 năm 2025
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	Chung thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 30 tháng 6 năm 2025
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	Cổ đông lớn Chung thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 25 tháng 3 năm 2025
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Biên	Chung thành viên quản lý chủ chốt đến ngày 14 tháng 2 năm 2025 và từ ngày ngày 25 tháng 3 năm 2025
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ & Tài chính Noblex	Chung thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 9 tháng 10 năm 2025
Công ty Cổ phần Đầu tư DIA	Chung thành viên quản lý chủ chốt đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và từ ngày 31 tháng 5 năm 2025
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Chung thành viên quản lý chủ chốt từ đến ngày 14 tháng 2 năm 2025 và từ ngày 25 tháng 3 năm 2025
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Chung thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 25 tháng 3 năm 2025
Công ty TNHH Dynamic Innovation	Chung thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 25 tháng 3 năm 2025
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Minh Land	Chung thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty Cổ phần S-Service Sài Gòn	Chung thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 25 tháng 3 năm 2025

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Nội dung nghiệp vụ phát sinh		Năm nay		Năm trước	
			VND		VND	
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ & Tài chính Noblex		Doanh thu dịch vụ truyền thông	31.975.586.121	(*)		
Công ty Cổ phần Đầu tư DIA		Doanh thu dịch vụ truyền thông	8.003.803.262	(*)		
Công ty Cổ phần Bất động sản Wonderland		Doanh thu dịch vụ truyền thông	6.807.497.711		5.181.763.530	
Công ty TNHH Dynamic Innovation		Doanh thu dịch vụ truyền thông	3.381.750.000	(*)		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine		Doanh thu dịch vụ truyền thông	2.971.891.167	(*)		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ & Tài chính Noblex		Doanh thu tổ chức sự kiện	2.251.497.900	(*)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Unicloud		Doanh thu dịch vụ truyền thông	2.000.000.000		-	
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ		Doanh thu dịch vụ truyền thông	1.000.000.000	(*)		
Công ty Cổ phần Đầu tư DIA		Doanh thu dịch vụ thiết kế	666.912.250	(*)		
Công ty TNHH Dynamic Innovation		Doanh thu dịch vụ thiết kế	195.600.000	(*)		
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service		Doanh thu bán hàng hóa	188.334.630		218.474.300	
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes		Doanh thu tổ chức sự kiện	153.291.160	(*)		
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes		Doanh thu dịch vụ truyền thông	120.000.000		1.488.275.339	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine		Doanh thu hỗ trợ sự kiện	76.291.160	(*)		
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa		Doanh thu bán hàng hóa	63.347.405	(*)		
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes		Doanh thu bán hàng hóa	62.742.900	(*)		
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes		Doanh thu dịch vụ thiết kế	60.444.807	(*)		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine		Doanh thu dịch vụ thiết kế	55.555.556	(*)		
Công ty Cổ phần S-Service Sài Gòn		Doanh thu bán hàng hóa	54.859.310	(*)		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud		Doanh thu bán hàng hóa	50.877.365		74.874.800	
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear		Doanh thu bán hàng hóa	35.028.620	(*)		
Công ty Cổ phần Sao Anh Dương		Doanh thu bán hàng hóa	33.856.000		8.500.000	
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart		Doanh thu dịch vụ thiết kế	31.063.670	(*)		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartmind		Doanh thu bán hàng hóa	19.073.780		-	
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service		Doanh thu dịch vụ thiết kế	14.676.008		-	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud		Doanh thu dịch vụ thiết kế & vận hành web	12.000.000		20.000.000	
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa		Doanh thu dịch vụ thiết kế	4.936.357	(*)		
Công ty Cổ phần S-Service Sài Gòn		Doanh thu dịch vụ thiết kế	4.274.921	(*)		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud		Doanh thu dịch vụ thiết kế	3.964.627		-	
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear		Doanh thu dịch vụ thiết kế	2.729.611	(*)		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Nội dung nghiệp vụ phát sinh	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	2.420.642	(*)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartmind	1.486.328	-
Công ty Cổ phần Quản lý Vận hành Khách sạn & Khu nghỉ dưỡng Matterhorn	514.074	2.780.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Biên	-	2.872.599.680
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân La	-	224.591.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	-	83.666.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	-	60.000.000
	<b>60.306.307.342</b>	<b>10.235.525.049</b>
<b>Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service	2.048.941.252	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicolor	939.333.919	857.543.637
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service	762.840.000	1.280.148.882
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	289.756.478	(*)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicolor	296.296.296	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicolor	100.833.333	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ & Tài chính Noblex	19.000.000	(*)
Công ty Cổ phần S-Service Sài Gòn	185.185	(*)
	<b>4.457.186.463</b>	<b>2.137.692.519</b>

(\*) Công ty này chưa là bên liên quan trong năm trước

**Số dư chú yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:**

	Nội dung số dư	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ & Tài chính Noblex	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	32.289.135.150	(*)
Công ty Cổ phần Bất động sản Wonderland	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	7.202.097.528	4.958.348.612
Công ty Cổ phần Đầu tư DIA	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	5.404.107.523	-
Công ty TNHH Dynamic Innovation	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	3.863.538.000	(*)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	3.352.036.913	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Unicond	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	2.160.000.000	-
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	1.080.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Minh Land	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	1.055.857.387	(*)
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	89.190.057	(*)
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	73.746.463	(*)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicond	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	12.960.000	102.464.784
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Biên	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	-	14.350.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đình	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	-	64.800.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	-	18.233.856
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	-	9.180.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô	Phải thu phí dịch vụ truyền thông	-	2.160.000
		<b>56.582.669.021</b>	<b>19.505.987.252</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicond	Phải trả dịch vụ cho thuê máy chủ	437.166.000	1.081.872.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Phải trả dịch vụ suất ăn	67.411.799	(*)
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service	Phải trả dịch vụ quản lý và đỗ xe	-	101.439.626
		<b>504.577.799</b>	<b>1.183.311.626</b>

(\*) Công ty chưa là bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**Thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm:**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Đình Chí Hiếu	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Hoàng Thị Mỹ Bình	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Lê Thị Trà Mi	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Cao Phi Hùng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Hà Anh	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
		<b>360.000.000</b>	<b>360.000.000</b>

**Thu nhập và các khoản phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong năm:**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Hoàng Thị Mỹ Bình	Tổng Giám đốc	3.216.958.987	2.554.498.510
Nguyễn Thị Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.663.434.564	1.195.743.156
Nguyễn Hoàng Phương	Kế toán trưởng	369.887.819	343.141.739
		<b>5.250.281.370</b>	<b>4.093.383.405</b>

**Thù lao của Ban kiểm soát trong năm:**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Nguyễn Văn Việt	Trưởng ban kiểm soát	96.000.000	96.000.000
Nguyễn Hoàng Tùng	Thành viên ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Hoàng Thị Thu Hà	Thành viên ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
		<b>216.000.000</b>	<b>216.000.000</b>

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính này cần phải điều chỉnh hay trình bày thuyết minh trên báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Hoàng Phương  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026